

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HSST

Ngày : 31/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông NGUYỄN MINH SƠN - Cán bộ hưu trí

2/. Bà TRẦN THỊ NGỌC KIM - Giảng viên Trường Đại học Đ

- **Thư ký phiên tòa**: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa**: Ông TRẦN MINH TIẾN - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 31 tháng 7 năm 2018. tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2018/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/QĐ-HSST ngày 19 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **PHẠM NHẬT THIÊN T.** Tên gọi khác: Pin. Sinh ngày 02 tháng 11 năm 2000. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: 45 - Tổ T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chỗ ở: 45 - Tổ T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: Lớp 7/12. Con ông: Phạm Nhật Thiên T, sinh năm 1978; Con bà: Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1981. Hiện ở tại: 45 - Tổ T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại 45 - Tổ T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

2/. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KHÁNH L.** Sinh ngày 17 tháng 5 năm 1999. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: C5/1 - N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chỗ ở: C5/1 - N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Con ông: Nguyễn Thế C, sinh năm 1969; Con bà: Nguyễn Thị Khánh T, sinh năm 1973. Hiện ở tại: C5/1 - Nguyễn Trung T, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại C5/1 - N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Phan Huy Đ - Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo Phạm Nhật Thiên T. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên: Bà Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1981, là mẹ của bị cáo Phạm Nhật Thiên T. Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 45 - T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Khánh T, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú tại: C5/1 - N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L có quan hệ tình cảm với nhau. Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên vào tối ngày 06/12/2017, T rủ L trộm cắp tài sản trong két sắt của mẹ L là bà Nguyễn Thị Khánh T tại căn nhà số C5/1 - N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng thì được L đồng ý.

Khoảng 13 giờ ngày 07/12/2017, L đi xe mô tô hiệu Attila màu hồng-trắng, biển kiểm soát 49P1-1018 đón T từ Quán Internet Cyber ở số 09 - T, Phường 2, thành phố Đ, Lâm Đồng về nhà của L ở địa chỉ nói trên để thực hiện việc trộm cắp tài sản trong két sắt như đã bàn bạc thống nhất từ hôm trước. Khi về nhà, thấy không có ai ở nhà, L dẫn T tới vị trí đặt két sắt trong phòng ngủ và mở két sắt nhưng không mở được do L nhớ sai mật khẩu. Lúc này, T bàn với L đục két sắt để lấy trộm tài sản thì L đồng ý và đi lấy 01 búa, 01 tuốc nơ vít và 01 kéo có sẵn trong nhà, đưa cho T để T đục két sắt. Khoảng 30 phút sau T đục thủng két sắt, L thò tay vào bên trong két sắt và lấy ra một số tài sản gồm: 03 nhẫn kim loại màu vàng; 03 lắc đeo tay kim loại màu vàng; 02 mặt dây chuyền hình Phật bọc kim loại màu vàng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 đôi bông tai kim loại màu vàng có đính hạt đá màu trắng; 10 Đôla Úc và 500.000 VNĐ. Sau khi lấy được tài sản, L đóng cửa nhà và đi xe mô tô biển kiểm soát 49P1-1018, chở T mang theo toàn bộ số tài sản đã trộm cắp đến tiệm vàng Kim Thanh D ở Chợ Đ để bán cho chị Văn Thị Minh T (là chủ tiệm vàng): 01 nhẫn kim loại màu vàng và 02 mặt dây chuyền hình Phật có bọc kim loại màu vàng, được 4.000.000 đồng, L chia cho T 3.000.000 đồng. Số tài sản còn lại, L đưa cho T: 01 đôi bông tai kim loại màu vàng có đính hạt đá màu trắng; 10 Đôla Úc và 500.000 VNĐ, số còn lại do xác định là đồ trang sức giả, Linh và Thành đã vứt đi dọc đường Đ và L, thành phố Đ, Lâm Đồng. Số tiền có được do bán tài sản trộm cắp, T đã tiêu xài hết 1.370.000 đồng, còn lại 2.300.000 đồng, L đã tiêu xài hết 1.000.000 đồng.

Theo biên bản định giá và báo giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, Lâm Đồng: 01 nhẫn kim loại bằng vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.530.000 đồng; 02 mặt dây chuyền hình Phật bọc vàng 18k, trọng lượng 0,4 chỉ, trị giá 1.017.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k, có gắn hạt đá

màu trắng, trọng lượng 0,63 chỉ, trị giá 1.595.979 đồng; 10 Đô la Úc trị giá 171.380 đồng. Tổng giá trị tài sản Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L trộm cắp của Nguyễn Thị Khánh T là 6.804.359 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi: 01 đôi bông tai bằng vàng có gắn hạt đá màu trắng; 01 hộp bằng giấy; 02 túi vải màu đỏ dùng đựng đồ trang sức và 05 tờ giấy liên quan đến việc mua bán vàng cùng 01 xe mô tô biển kiểm soát 49P1-1018, trả lại cho bà T, bà T không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại đều không thắc mắc, khiếu nại gì đối với Kết luận định giá nêu trên.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKS ngày 02/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L khai nhận vào trưa ngày 07/12/2017, sau khi thấy nhà mình không có người ở nhà, bị cáo đã cùng với Phạm Nhật Thiên T có hành vi thực hiện kế hoạch đã bàn bạc từ hôm trước, lén lút đục phá kết sắt trong nhà mình, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Khánh T, là mẹ của L một số tiền mặt và đồ trang sức có tổng trị giá 6.804.359 đồng với mục đích để tiêu xài cá nhân với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, các bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với cả hai bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51 đối với cả hai bị cáo và áp dụng thêm qui định tại các điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phạm Nhật Thiên T và áp dụng điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phạm Nhật Thiên T từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh L từ 09 đến 12 tháng tù, cho cả hai bị cáo được hưởng án treo. Phần bồi thường: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã xử lý, số còn lại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo qui định của pháp luật. Các bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Nhật Thiên T thống nhất với việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo, không có tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo hình phạt Cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L: Cả hai bị cáo đều là người có đầy đủ nhận thức, các bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại không có ở nhà, các bị cáo đã lén lút đục phá kết sắt của người bị hại để chiếm đoạt tài sản là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 6.804.359 đồng với mục đích để bán lấy tiền sử dụng cho nhu cầu cá nhân là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của các bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, căn cứ khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, lẽ ra phải áp dụng điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo nhưng do Bộ luật hình sự năm 2015 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất của điều 173 chỉ 20 năm tù, trong khi điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất đến Tù chung thân nên qui định tại khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điều luật áp dụng để xét xử các bị cáo là điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên và Cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm vào tình tiết định khung tăng nặng nào theo qui định tại điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên các bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào theo qui định tại điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ

luật hình sự năm 2015. Riêng đối với bị cáo Phạm Nhật Thiên T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng qui định tại các điều 91 và 101 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, cả hai bị cáo còn ít tuổi, trong đó bị cáo T là người chưa đủ 18 tuổi, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cùng gia đình theo qui định tại điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng đã thu hồi một phần tài sản và trả lại cho bà T. Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết tiếp.

Về xử lý vật chứng: Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã có quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho người bị hại một số như: 01 xe mô tô; 01 đôi bông tai, 01 hộp giấy; 02 túi vải đựng đồ trang sức và 05 tờ giấy liên quan đến việc mua bán vàng nên không xem xét để xử lý tiếp. Còn lại số tiền 2.300.000 (Hai triệu ba trăm ngàn) đồng, là tiền bị cáo Thành bán tài sản chiếm đoạt của người bị hại mà có nên trả lại số tiền này cho bà Nguyễn Thị Khánh T. Một áo khoác màu đỏ, có mũ đen và 01 khăn màu hồng của bị cáo Nguyễn Thị Khánh L là tài sản riêng của bị cáo nhưng xét các tài sản này đã cũ, có giá trị sử dụng không đánh kể nên tịch thu để tiêu hủy.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố các bị cáo Phạm Nhật Thiên T và Nguyễn Thị Khánh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] . Áp dụng khoản 3 điều 7; khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Nhật Thiên T 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Nhật Thiên T cho Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo qui định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[3] . Áp dụng khoản 3 điều 7; khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh L 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Khánh L cho Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo qui định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[4]. Áp dụng điều 46 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Khánh T số tiền 2.300.000 (Hai triệu ba trăm ngàn) đồng.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 áo khoác màu đỏ, có mũ màu đen và 01 khăn màu hồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ ngày 03/7/2018).

[5]. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo; người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình